

SỞ TÀI CHÍNH**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 173 /STC-TTrĐắk Nông, ngày 17 tháng 11 năm 2019

V/v hướng dẫn xây dựng
Chương trình thực hành tiết
kiệm, chống lãng phí và thời
hạn báo cáo năm 2019.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã;
- Các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý.

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ; kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 của các cơ quan, đơn vị.

Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 và thời hạn gửi Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019; báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 như sau:

I. Nội dung xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

Các Sở, Ban, ngành; Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã; Các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý (*viết tắt là "các cơ quan, đơn vị"*), căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và tình hình sử dụng ngân sách Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình để xây dựng các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 (theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính) cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, tài sản công và một số nguồn lực khác.

1. Đối với các Sở, ngành; Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã xây dựng nội dung chương trình theo nội dung phần I, II, III, IV, V, VI, VIII, IX phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với Các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý xây dựng dung chương trình theo nội dung phần VII phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Riêng đối với các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành: Ngoài việc xây dựng nội dung chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trong nội bộ đơn vị như hướng dẫn ở trên còn phải xây dựng số liệu chương trình trên phạm vi toàn tỉnh trong các lĩnh vực được phân công phụ trách, các chương trình mục tiêu quốc gia được phân công chủ trì quản lý và tổng hợp vào phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Cụ thể như sau:

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư công thuộc lĩnh vực Sở quản lý như:

- Tiết kiệm trong đấu thầu đầu tư công; trong thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán; số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm; số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch; các dự án thực hiện chậm tiến độ; các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ.

- Tình hình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước.

3.2. Sở Tài nguyên - Môi trường:

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí về tài nguyên đất, nước, khoáng sản, môi trường thuộc lĩnh vực Sở quản lý như:

- Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật;
- Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi;
- Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên;
- Số lượng dự án tái chế, sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo;
- Số tiền tiết kiệm, xử phạt do vi phạm từ quản lý, sử dụng đất; từ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác; từ các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo.

3.3. Sở Xây dựng:

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình; từ việc sử dụng trụ sở làm việc; nhà công vụ; cấp phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và quản lý quy hoạch thuộc lĩnh vực Sở quản lý.

3.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu (chi tiết từng dự án, chương trình mục tiêu) thuộc lĩnh vực Sở quản lý; Kết quả trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng.

3.5. Sở Nội vụ:

- Kế hoạch sắp xếp, tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và tiết kiệm thời gian lao động trong khu vực nhà nước, trong đó :

- + Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động;
- + Số tiền xử phạt vi phạm thu được.

3.6. Sở Công thương:

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thực hiện tiết kiệm điện năng trên địa bàn toàn tỉnh (chi tiết kw/h; thành tiền).

3.7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thực hiện kinh phí sự nghiệp giáo dục.

3.8. Sở Khoa học và Công Nghệ

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm trong việc tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ.

3.9. Thanh tra tỉnh:

- Tổng hợp xây dựng chương trình về công tác thanh tra, kiểm tra của ngành Thanh tra:

- + Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện;
- + Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành;
- + Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP;
- + Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện;
- + Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra;
- + Số lượng tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, đồng thời ước tính số tiền của số lượng tài sản phát hiện được;
- + Tổng số tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý thu hồi.
- + Số vụ việc xử lý hành chính, kỷ luật (gồm tập thể, tổ chức);
- + Số vụ việc chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an điều tra.

3.10. Sở Tài chính:

Tổng hợp xây dựng chương trình về THTK, CLP:

- Tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức;
- Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ;
- Tiết kiệm từ việc thẩm tra phê duyệt quyết toán;
- Số tiền đã xử lý, cắt giảm dự toán;

- Tiết kiệm từ việc thẩm tra quyết toán giá trị công trình XD/CB hoàn thành;
- Tiết kiệm từ việc tổ chức mua sắm tập trung;
- Tình hình phương tiện đi lại trong khu vực nhà nước;
- Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc;
- Tình hình quản lý, sử dụng nhà công vụ.

3.11. Sở Y tế:

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm trong việc tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí y tế.

3.12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm trong việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động:

- Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động;
- Số tiền xử phạt vi phạm thu được.

3.13. Đài Truyền hình tỉnh và Báo Đắk Nông:

- Kế hoạch thực hiện phát sóng tin, bài và các sản phẩm truyền thông khác để tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về THPT, CLP.

3.14. Sở Tư pháp:

Ngoài việc xây dựng xây dựng Chương trình trong nội bộ cơ quan còn tổng hợp số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành; Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được sửa đổi, bổ sung do cấp tỉnh ban hành.

II. Thời hạn gửi Chương trình và báo cáo THPT, CLP:

1. Thời hạn gửi Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019:

Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 của các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Tài chính trước **ngày 15/02/2019**;

2. Thời hạn gửi báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019:

2.1. Đối với báo cáo 6 tháng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thời hạn báo cáo gửi về Sở Tài chính trước **ngày 15/5/2019**; Số liệu báo cáo gồm kết quả thực hiện 4 tháng đầu năm và ước thực hiện tháng 5 và tháng 6 năm 2019;

2.2. Đối với báo cáo phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2019:

Thời hạn báo cáo gửi về Sở Tài chính trước **ngày 10/10/2019**; Số liệu báo cáo gồm kết quả thực hiện 9 tháng và ước thực hiện quý IV năm 2019;

2.3. Đối với báo cáo năm 2019 tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính: Thời hạn báo

cáo gửi về Sở Tài chính chậm nhất đến hết **ngày 25/01/2020**; Số liệu báo cáo là số liệu từ kết quả thực hiện cả năm tại đơn vị, địa phương.

Lưu ý: Tất cả Chương trình và các báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngoài việc gửi bằng đường công văn, các cơ quan, đơn vị đồng thời gửi bản mềm vào địa chỉ: thanhtra.stc@daknong.gov.vn (Trường hợp vướng mắc liên hệ số điện thoại: 02613544512 gặp đồng chí Tăng Thượng Đặng).

Với nội dung trên, đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Đơn vị nào chậm trễ trong việc xây dựng Chương trình, báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 hoặc xây dựng chương trình, báo cáo không đầy đủ các nội dung theo biểu mẫu hướng dẫn, Sở Tài chính sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định./. *Đg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, ban thuộc Sở (thực hiện);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bi

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên cơ quan lập báo cáo

KẾ HOẠCH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo:...(năm)...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2019	Kết quả năm 2019	So sánh thực hiện với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							

2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						

3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình							

	chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						

2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về	cuộc						

	THTK, CLP đã hoàn thành							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						